

Phụ lục 10

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học kỳ: 1 – Năm học: 2023 – 2024

Môn học/Nhóm: Bóng đá 2 – HP (23401019-18)
CBGD: Nguyễn Thanh Bình

Số tín chỉ: 02

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	BP. 4	Điểm quá trình	Ghi chú
1	2122130085	Trần Thị Phương	Ánh	01/11/2004	Công nghệ may C	8.0	7.0	7.0	7.0	7.3	
2	2122110247	Ngô Quốc	Cường	11/10/2004	Công nghệ thông tin G	5.0	7.0	7.0	7.0	6.5	
3	2122030078	Võ Thanh	Danh	29/10/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	8.0	7.0	7.0	7.0	7.3	
4	2121170648	Nguyễn Minh	Đạo	15/08/2003	Công nghệ kỹ thuật ô tô D	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
5	2122030079	Đặng Nguyễn Tấn	Doãn	26/09/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
6	2122180057	Võ Trương	Đông	01/01/2004	Công nghệ KT nhiệt B	8.0	7.0	7.0	7.0	7.3	
7	2122050040	Vũ Văn Hùng	Dũng	23/09/2003	Điện công nghiệp B	8.0	7.0	7.0	7.0	7.3	
8	2122050037	Nguyễn Trung	Hiếu	04/04/2004	Điện công nghiệp B	8.0	7.0	7.0	7.0	7.3	
9	2122050036	Võ Phước	Hơn	16/04/2004	Điện công nghiệp B	8.0	7.0	7.0	7.0	7.3	
10	2120170401	Hoàng Văn	Hùng	02/06/2002	Công nghệ kỹ thuật ô tô L	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
11	2122180103	Huỳnh Hậu	Hữu	09/01/2004	Công nghệ KT nhiệt D	9.0	8.0	9.0	9.0	8.8	
12	2122030015	Lê Văn	Khánh	02/01/2003	Công nghệ kỹ thuật cơ khí A	6.0	9.0	7.0	7.0	7.3	
13	2122170309	Nguyễn	Lợi	17/09/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô H	6.0	9.0	5.0	5.0	6.3	
14	2122030099	Nguyễn Đức	Lợi	03/07/2003	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	6.0	9.0	7.0	7.0	7.3	
15	2122110264	Trương Hữu	Lợi	14/06/2004	Công nghệ thông tin G	6.0	9.0	7.0	7.0	7.3	
16	2122140017	Phan Văn	Lưu	19/07/2004	Công nghệ KT cơ điện tử A	8.0	7.0	7.0	7.0	7.3	
17	2122170500	Trần Văn	Minh	09/02/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô M	5.0	9.0	7.0	7.0	7.0	

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	BP. 4	Điểm quá trình	Ghi chú
18	2122110272	Dương Tấn	Ngọc	24/10/2004	Công nghệ thông tin G	6.0	9.0	7.0	7.0	7.3	
19	2122110257	Lê Hải	Phú	04/06/2004	Công nghệ thông tin G	6.0	9.0	7.0	7.0	7.3	
20	2122180127	Lê Quốc	Phước	09/08/2004	Công nghệ KT nhiệt D	9.0	8.0	9.0	9.0	8.8	
21	2121150016	Lăng Minh	Phương	20/01/2003	CNKT ĐK và tự động hóa A	7.0	6.0	7.0	7.0	6.8	
22	2122100273	Lê Thị Thục	Quyên	01/06/2002	Kế toán H	6.0	9.0	7.0	7.0	7.3	
23	2122170292	Lương Viết	Tài	26/07/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô H	5.0	6.0	5.0	5.0	5.3	
24	2122180102	Nguyễn Đình	Tài	15/02/2004	Công nghệ KT nhiệt D	9.0	8.0	9.0	9.0	8.8	
25	2122050018	Trương Tấn	Tài	02/01/2004	Điện công nghiệp A	7.0	6.0	7.0	7.0	6.8	
26	2122270080	Nguyễn Thanh	Thái	13/07/2002	Quản trị nhà hàng C	7.0	6.0	6.0	6.0	6.3	
27	2122050027	Nguyễn Thành	Thái	13/04/2004	Điện công nghiệp A	7.0	6.0	7.0	7.0	6.8	
28	2122170503	Bùi Tấn	Thanh	04/11/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô M	7.0	6.0	7.0	7.0	6.8	
29	2122180048	Võ Văn	Thiên	12/08/2004	Công nghệ KT nhiệt B	7.0	6.0	6.0	6.0	6.3	
30	2122180131	Bùi Lê Hường	Thiện	31/01/2004	Công nghệ KT nhiệt D	9.0	8.0	9.0	9.0	8.8	
31	2122100276	Võ Thị Cẩm	Thư	20/02/2004	Kế toán H	5.0	6.0	7.0	7.0	6.3	
32	2122180124	Nguyễn Thái	Toàn	09/02/2004	Công nghệ KT nhiệt D	9.0	8.0	9.0	9.0	8.8	
33	2122180125	Phạm Minh	Trương	23/11/2000	Công nghệ KT nhiệt D	9.0	8.0	9.0	9.0	8.8	
34	2122170460	Đình Quốc	Việt	04/11/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô L	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
35	2122050010	Nguyễn Quốc	Việt	17/05/2004	Điện công nghiệp A	5.0	8.0	7.0	7.0	6.8	
36	2120050096	Đạt Đại Hoàng	Vũ	17/07/2002	Điện công nghiệp C	9.0	5.0	9.0	9.0	8.0	

TPHCM, ngày 15 tháng 01 năm 2024

Giảng viên

Nguyễn Thanh Bình

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN
Học kỳ: 1 – Năm học: 2023 – 2024

Môn học/Nhóm: Bóng đá 2 – HP (23401019-18)
CBGD: Nguyễn Thanh Bình

Số tín chỉ: 02

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
1	2122130085	Trần Thị Phương	Ánh	01/11/2004	Công nghệ may C	7.3	8.0	7,70	
2	2122110247	Ngô Quốc	Cường	11/10/2004	Công nghệ thông tin G	6.5	7.0	6,80	
3	2122030078	Võ Thanh	Danh	29/10/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	7.3	8.0	7,70	
4	2121170648	Nguyễn Minh	Đạo	15/08/2003	Công nghệ kỹ thuật ô tô D	0.0	0.0	0,00	
5	2122030079	Đặng Nguyễn Tấn	Doãn	26/09/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	0.0	0.0	0,00	
6	2122180057	Võ Trương	Đông	01/01/2004	Công nghệ KT nhiệt B	7.3	5.0	5,90	
7	2122050040	Vũ Văn Hùng	Dũng	23/09/2003	Điện công nghiệp B	7.3	8.0	7,70	
8	2122050037	Nguyễn Trung	Hiếu	04/04/2004	Điện công nghiệp B	7.3	5.0	5,90	
9	2122050036	Võ Phước	Hơn	16/04/2004	Điện công nghiệp B	7.3	5.0	5,90	
10	2120170401	Hoàng Văn	Hùng	02/06/2002	Công nghệ kỹ thuật ô tô L	0.0	0.0	0,00	
11	2122180103	Huỳnh Hậu	Hữu	09/01/2004	Công nghệ KT nhiệt D	8.8	10.0	9,50	
12	2122030015	Lê Văn	Khánh	02/01/2003	Công nghệ kỹ thuật cơ khí A	7.3	6.0	6,50	
13	2122170309	Nguyễn	Lợi	17/09/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô H	6.3	0.0	2,50	
14	2122030099	Nguyễn Đức	Lợi	03/07/2003	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	7.3	8.0	7,70	
15	2122110264	Trương Hữu	Lợi	14/06/2004	Công nghệ thông tin G	7.3	8.0	7,70	
16	2122140017	Phan Văn	Lưu	19/07/2004	Công nghệ KT cơ điện tử A	7.3	6.0	6,50	
17	2122170500	Trần Văn	Minh	09/02/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô M	7.0	6.0	6,40	
18	2122110272	Dương Tấn	Ngọc	24/10/2004	Công nghệ thông tin G	7.3	8.0	7,70	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
19	2122110257	Lê Hải	Phú	04/06/2004	Công nghệ thông tin G	7.3	8.0	7,70	
20	2122180127	Lê Quốc	Phước	09/08/2004	Công nghệ KT nhiệt D	8.8	10.0	9,50	
21	2121150016	Lăng Minh	Phương	20/01/2003	CNKT ĐK và tự động hóa A	6.8	5.0	5,70	
22	2122100273	Lê Thị Thục	Quyên	01/06/2002	Kế toán H	7.3	5.0	5,90	
23	2122170292	Lương Viết	Tài	26/07/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô H	5.3	5.0	5,10	
24	2122180102	Nguyễn Đình	Tài	15/02/2004	Công nghệ KT nhiệt D	8.8	8.0	8,30	
25	2122050018	Trương Tấn	Tài	02/01/2004	Điện công nghiệp A	6.8	6.0	6,30	
26	2122270080	Nguyễn Thanh	Thái	13/07/2002	Quản trị nhà hàng C	6.3	6.0	6,10	
27	2122050027	Nguyễn Thành	Thái	13/04/2004	Điện công nghiệp A	6.8	10.0	8,70	
28	2122170503	Bùi Tấn	Thanh	04/11/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô M	6.8	8.0	7,50	
29	2122180048	Võ Văn	Thiên	12/08/2004	Công nghệ KT nhiệt B	6.3	5.0	5,50	
30	2122180131	Bùi Lê Hương	Thiện	31/01/2004	Công nghệ KT nhiệt D	8.8	6.0	7,10	
31	2122100276	Võ Thị Cẩm	Thư	20/02/2004	Kế toán H	6.3	8.0	7,30	
32	2122180124	Nguyễn Thái	Toàn	09/02/2004	Công nghệ KT nhiệt D	8.8	8.0	8,30	
33	2122180125	Phạm Minh	Trường	23/11/2000	Công nghệ KT nhiệt D	8.8	8.0	8,30	
34	2122170460	Đinh Quốc	Việt	04/11/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô L	0.0	0.0	0,00	
35	2122050010	Nguyễn Quốc	Việt	17/05/2004	Điện công nghiệp A	6.8	5.0	5,70	
36	2120050096	Đạt Đại Hoàng	Vũ	17/07/2002	Điện công nghiệp C	8.0	8.0	8,00	

TPHCM , ngày 15 tháng 01 năm 2024
Giảng viên

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
-----	-------	-----------	-----------	---------	----------------------	-------------	---------------------	---------

Nguyễn Thanh Bình